TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/7/2018.
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Lại Hiệp Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Hồng.

Bà Nguyễn Thị Ly.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 223/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1982; (có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: Tổ 04, ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông Hồ Văn Minh C, sinh năm 1975; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông C quen biết, tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 2002. Vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống, vợ chồng thường hay cãi nhau do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng thường xuyên nhậu về rồi kiếm chuyện với bà lại không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2015 đến nay, vợ chồng không gặp mặt nhau, thỉnh thoảng ông C chỉ điện thoại cho con, hỏi thăm con nhưng không liên lạc với bà. Nay, nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với chồng là Hồ Văn Minh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Hồ Văn Minh Q, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2003 và Hồ Yến V, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2008. Hiện nay, cháu Q, cháu V do bà chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung đơn xin gia hạn gửi cho Tòa án, bị đơn ông Hồ Văn Minh C trình bày: Do cháu Hồ Văn Minh Q đang là học sinh lớp 9 chuẩn bị thi lên lớp 10 nên ông không muốn làm ảnh hưởng đến thi cử của cháu Q. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án cho ông xin gia hạn 06 tháng để cháu Q được vào trường mới.

Bị đơn ông Hồ Văn Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Bà T khởi kiện ly hôn với ông C, ông C có nơi cư trú ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T có đơn xin vắng mặt, ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Bà T và ông C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01 năm 2004 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà T xác định, vợ chồng sống chung thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 3 năm nay. Ông C cũng không phản đối yêu cầu ly hôn của bà T, ông chỉ xin gia hạn thời gian để ổn định tâm lý cho con tập trung vào việc học trong giai đoạn thi tuyển vào trường mới. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông C đã kéo dài nhưng vợ chồng không tạo điều kiện hàn gắn tình cảm với nhau và không còn sống chung với nhau nên vợ chồng không thể thương yêu, Q trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không quan tâm lẫn nhau. Ông C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và

Thông báo triệu tập ông để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn không có mặt và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án. Từ đó, thấy rằng ông không quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng, bỏ mặc bà T muốn làm gì thì làm đủ để thấy giữa hai người không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp.

[2]. Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Hồ Văn Minh Q, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2003 và Hồ Yến V, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2008. Hiện nay, cháu Q, cháu V đang được bà chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc cả 02 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét, cháu Q và cháu V đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Bà T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông C cũng không có ý kiến phản đối. Bên cạnh đó, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Q và cháu V và nguyện vọng của các cháu muốn được sống cùng với bà T. Do đó, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà T là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q và cháu V là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về cấp dưỡng cho con: Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5]. Về nợ chung: Bà T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Ghi nhận việc bà T xác định vợ chồng không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà T và ông C vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

Các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 227, 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T đối với ông Hồ Văn Minh C.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với ông Hồ Văn Minh C.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hồ Văn Minh Q, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2003 và Hồ Yến V, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2008. Hiện nay, cháu Q và cháu V đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không đề cập giải quyết.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai số 0019425 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 28 tháng 3 năm 2018.

Về quyền kháng cáo: Bà T, ông C có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lại Hiệp Phong

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu./.